

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam

Võ Đại Lược¹

¹ Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.
Email: vodailuoc@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 12 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 2 năm 2020.

Tóm tắt: Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường có ý nghĩa quan trọng, là nhiệm vụ chiến lược, và là một trong khâu đột phá; qua đó, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm đưa Việt Nam thoát ra khỏi nhóm nước thu nhập trung bình thấp, để bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao.

Từ khóa: Hội nhập kinh tế quốc tế, thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Vietnam is in the process of perfecting the institutional framework of the socialist-oriented market economy and boosting extensive international economic integration. Building and perfecting a market economy institutional framework is of great importance, being a strategic task, and one of the breakthroughs, thus creating a motivation for rapid and sustainable development, promoting the restructuring of the economy associated with renovating the growth model, and accelerating industrialisation and modernisation, so as to take the country out of the group of low middle income countries soon to join that of high middle income nations.

Keywords: International economic integration, market economy institutional framework, socialist orientation.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế có mối quan hệ tùy thuộc lẫn nhau. Nếu thể chế kinh tế thị trường không hiện đại và quốc tế thì khó có thể hội nhập quốc tế hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng cũng là điều kiện quan trọng để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường. Bài viết tập trung bàn về chủ đề này.

2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Thứ nhất, cần hướng theo tiêu chí kinh tế thị trường do Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) yêu cầu (thời hạn cho Việt Nam là 2018). Trong các tiêu chí đó có ba tiêu chí quan trọng: (i) Đồng Việt Nam phải được chuyển đổi tự do, nhưng lộ trình chuyển đổi tự do đồng Việt Nam đến nay chưa rõ ràng; (ii) Không phân biệt đối xử, Việt Nam duy trì quan điểm kinh tế nhà nước là chủ đạo và (iii) Nền tảng là một sự phân biệt đối xử rõ rệt. Kinh tế thị trường không thể là kinh tế kế hoạch, nhưng Việt Nam vẫn duy trì kế hoạch kinh tế hàng năm, 5 năm với các chỉ tiêu pháp lệnh cụ thể và có cả Ủy ban kế hoạch (Trung Quốc đã chuyển kế hoạch thành quy hoạch, đổi tên Ủy ban Kế hoạch thành Ủy ban Cải cách và Phát triển). Việt Nam phải chủ động xử lý các vấn đề theo hướng thị trường hơn là yêu cầu và thuyết phục các nước cho Việt Nam vị thế kinh tế thị trường.

Thứ hai, cần phải đảm bảo các tín hiệu của thị trường, luôn phản ánh nhanh nhạy các biến động của thị trường và phát huy được vai trò điều tiết của nó. Các tín hiệu của thị trường Việt Nam (giá cả, lãi suất, tỷ giá, chỉ số chứng khoán, tiền lương v.v..) về

đại thể đã phản ánh được những biến động của thị trường và có tác động điều tiết. Tuy nhiên, những yếu tố cản trở các tín hiệu của thị trường còn nhiều: tình trạng độc quyền chi phối giá cả tràn lan, lãi suất thỏa thuận bị hạn chế bởi lãi suất trần và gói hỗ trợ lãi suất, tỷ giá bị điều tiết bởi không ít can thiệp kỹ thuật... Phải thừa nhận là nhà nước cần áp dụng những biện pháp hành chính để điều tiết kinh tế, nhưng cần tính mức độ, giới hạn. Cần sớm có các giải pháp duy trì độ phản ánh nhanh nhạy của các tín hiệu thị trường. Chỉ khi các tín hiệu này phản ánh nhanh nhạy kịp thời những biến động của thị trường trong nước và thế giới thì thị trường mới có tác động phân bổ các nguồn lực.

Để WTO công nhận vị thế kinh tế thị trường Việt Nam, những việc cần làm là:

- Sửa lại Luật Cạnh tranh theo hướng hiện đại để có thể kiểm soát, ngăn chặn hữu hiệu mọi hành vi độc quyền. Cần có những biện pháp chế tài ngăn cấm các hành động độc quyền.

- Thiết kế một lộ trình tiến tới lãi suất, tỷ giá... thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, đồng Việt Nam được chuyển đổi tự do.

- Chuyển đổi công tác kế hoạch thành công tác quy hoạch có tính định hướng nền kinh tế, không có tính pháp lệnh.

Thứ ba, hoàn thiện và phát triển đồng bộ các loại thị trường. Phải thừa nhận một thực tế là các loại hình thị trường ở Việt Nam đang có quá trình hình thành cả về mặt thể chế, cũng như các chủ thể tham gia, do vậy nhà nước có vai trò hết sức quan trọng. Trong các loại thị trường có hai thị trường rất cơ bản và quan trọng, đó là thị trường tài chính và thị trường bất động sản. Hai thị trường này phát triển lành mạnh thì kinh tế phát triển lành mạnh và ngược lại. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu gần đây cũng xuất phát từ hai thị trường này. Việt Nam

phát triển hai thị trường này, nhưng cũng không thể không tính tới bài học từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay.

Bài học đầu tiên là, cần phải có một thể chế phù hợp để có thể kiểm soát hữu hiệu các rủi ro. Hai thị trường trên ở các nước phát triển đã hoạt động rất tự do trong một khuôn khổ thể chế đã từng được xem là hiện đại nhất. Tuy nhiên, những thể chế hiện có ở các nước này đã không kiểm soát được dòng vốn ồ ạt đổ vào hai thị trường, tạo ra những “bong bóng kinh tế”, gây nên rủi ro “đổ vỡ”. Vấn đề là cần có một thể chế giám sát, cảnh báo và ngăn chặn hữu hiệu các dòng vốn đầu cơ gây ra rủi ro bất trắc cho thị trường. Ở nước ta hiện đã có khá đủ các loại cơ quan giám sát, tuy nhiên cơ chế vận hành, quyền lực và hiệu lực của các cơ quan giám sát lại không đủ, do vậy cần phải sớm kiện toàn cơ chế hoạt động của các cơ quan giám sát theo hướng gia tăng quyền lực giám sát, ép buộc mọi chủ thể kinh doanh trong hai thị trường trên phải công khai, minh bạch mọi hoạt động, hướng giám sát không chỉ nhằm vào hoạt động của thị trường, mà phải giám sát cả hệ thống thể chế của các thị trường này, gia tăng tính độc lập của các cơ quan giám sát. Cần giao quyền giám sát thực sự cho Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia vì cơ quan giám sát này có tính độc lập với ngân hàng và Bộ Tài chính, chứ không thể chỉ là cơ quan tư vấn hiện nay.

Bài học thứ hai là, cần kiện toàn hệ thống dự báo, thông tin cập nhật, trung thực về tình hình hoạt động của hai thị trường. Thực tế ở Mỹ cho thấy, đã có quá nhiều thông tin thị trường không được cập nhật, đặc biệt là không trung thực, bóp méo thông tin, lừa dối chính phủ và dân chúng. Phải có quy chế chặt chẽ, có chế tài nghiêm khắc đối với các thông tin không trung thực.

Bài học thứ ba là, phải chăm lo việc đào tạo nhân lực cho thị trường trên theo hướng: phải có cơ chế tuyển chọn sử dụng và đãi ngộ phù hợp đối với những người được làm việc trong các định chế Nhà nước quản lý hai thị trường trên, nếu chỉ chọn được những người bất tài, thì đó sẽ là nguyên nhân cho các đổ vỡ của thị trường, đồng thời phải có cơ chế loại bỏ những kẻ gian lận, lừa đảo tham gia thị trường, những tay lừa đảo này cũng là một nguyên nhân khiến thị trường đổ vỡ.

Bài học thứ tư là, phải khai mở các lĩnh vực, các ngành hấp thụ có hiệu quả các dòng vốn, ngăn chặn các dòng vốn ồ ạt đổ vào một vài ngành, gây ra đầu cơ, bong bóng.

3. Kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế

Kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế là vấn đề quan trọng, có tầm chiến lược trong sự phát triển kinh tế Việt Nam. Nếu Việt Nam định hướng phát triển các thành phần kinh tế không có lợi thế cạnh tranh, thì nền kinh tế sẽ rơi vào thế yếu và kém hiệu quả. Do vậy, cần có những phân tích đánh giá khoa học và phù hợp với thực tế. Phần này sẽ xem xét kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế dưới cả góc độ lý luận và thực tế, đồng thời sẽ đưa ra một số kiến nghị cho Việt Nam.

Ở Việt Nam, kinh tế quốc doanh đã có địa vị thống trị trong thời kỳ trước đổi mới. Đi vào thời kỳ cải cách và đổi mới, Trung Quốc và Việt Nam chuyển địa vị của kinh tế quốc doanh từ thống trị xuống chủ đạo. Đến Đại hội VIII của Đảng, vai trò chủ đạo của quốc doanh thay đổi. Đảng đã xem kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo, chứ không phải kinh tế quốc doanh.

Đó là những thay đổi rất quan trọng trong tư duy kinh tế của Đảng.

Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước theo cách hiểu hiện nay là: ổn định, điều tiết, nêu gương, định hướng nền kinh tế. Để thực hiện được vai trò này, Nhà nước phải sử dụng các công cụ thể chế gồm luật pháp, hành pháp và tư pháp, các công cụ kinh tế gồm tiền tệ, tài chính, các xí nghiệp quốc doanh. Như vậy, các xí nghiệp quốc doanh chỉ là một trong các công cụ để Nhà nước ổn định và điều tiết nền kinh tế. Tuy nhiên, trên thực tế suy nghĩ coi quốc doanh giữ vai trò chủ đạo vẫn có ý nghĩa chi phối chính sách.

Thực tế 30 năm đổi mới đến nay có thể cho chúng ta nhiều căn cứ để thảo luận về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Trước hết, về lý luận, tất cả các lý thuyết kinh tế từ C.Mác cho đến nay không hề có một lý thuyết kinh tế nào lại chủ trương xây dựng một nền kinh tế thị trường dựa trên cơ sở kinh tế nhà nước là chủ đạo. C.Mác, Lênin không có một quan điểm nào tương tự với mô hình kinh tế nhà nước chủ đạo của Việt Nam. Tất cả các nhà kinh điển Mác-Lênin đều nhất quán cho rằng kinh tế thị trường là tư bản chủ nghĩa, kinh tế xã hội chủ nghĩa là kinh tế kế hoạch không có thị trường. Ngay trong thời kỳ quá độ, các ông cũng không chủ trương phát triển kinh tế thị trường, mà cải tạo kinh tế thị trường sang kinh tế kế hoạch. Cho đến nay, các nhà kinh tế từ phương Đông sang phương Tây đều không có lý thuyết nào về kinh tế nhà nước là chủ đạo. Trung Quốc đã tồn tại quan điểm chế độ công hữu là chủ thể, quốc doanh là chủ đạo, nhưng tại đại hội XVI và XVII, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã giữ quan điểm công hữu là chủ thể, quốc doanh là chủ đạo, nhưng xem cổ phần là hình thức hiện chủ yếu của chế độ công hữu. Trung

Quốc đã thực hiện cổ phần hóa, xây dựng các xí nghiệp hiện đại theo các nguyên tắc quản lý công ty của các nước phát triển, công ty hóa, khuyến khích kinh tế tư nhân, chủ trương kết nạp các ông chủ tư nhân vào Đảng Cộng sản...

Thứ hai, thực tế hơn 30 năm đổi mới ở Việt Nam cho thấy, kinh tế nhà nước đã không đảm trách nổi vai trò chủ đạo xét trên các mặt:

- Về việc làm, khu vực kinh tế nhà nước hầu như không tạo thêm việc làm mới, hầu hết việc làm mới là do khu vực tư nhân tạo ra.

- Về năng suất và hiệu quả, khu vực kinh tế nhà nước đều không thể bằng khu vực tư nhân.

- Về khả năng cạnh tranh thị trường trong nước và quốc tế, khu vực kinh tế nhà nước dù nắm giữ những lợi thế quan trọng về đất đai, vai trò độc quyền, tín dụng,... nhưng khả năng cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt là thị trường quốc tế rõ ràng yếu kém.

- Về tác dụng nêu gương, kinh tế nhà nước đã nêu nhiều gương xấu hơn tốt: lãng phí nhiều, tham nhũng lớn, quản lý yếu kém...

- Về định hướng xã hội chủ nghĩa, với những yếu kém trên đây, chính kinh tế nhà nước có thể đang đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa, chứ không có vai trò quy định định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo trong những ngành: dịch vụ công, cơ sở hạ tầng, công nghiệp quốc phòng, bảo vệ môi trường và một số ngành công nghệ cao, những ngành mà tư nhân không làm được.

Sở hữu cổ phần là hình thức chủ yếu và phổ biến của chế độ công hữu định hướng xã hội chủ nghĩa. Sở hữu cổ phần đã được C. Mác xác định đó là hình thức sở hữu

tiến bộ nhất, hình thức sở hữu quá độ sang xã hội tương lai, chứ không phải là sở hữu nhà nước.

- Phát triển mạnh mẽ khu vực tư nhân trong những ngành và lĩnh vực không bị cấm, xem khu vực kinh tế tư nhân đặc biệt là những doanh nghiệp tư nhân là động lực chủ yếu của nền kinh tế.

- Mọi thành phần kinh tế đều là những bộ phận cấu thành nền kinh tế quốc dân định hướng xã hội, đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt đối xử.

- Nhà nước không tập trung hỗ trợ cho khu vực kinh tế quốc doanh mà chỉ hỗ trợ trong những trường hợp cần thiết, dù đó là quốc doanh hay tư nhân.

- Các cơ sở quốc doanh tiếp tục cổ phần hóa, đưa lên sàn chứng khoán, chuyển dịch về đúng những vị trí cần thiết, kiểm soát chặt chẽ các hành vi độc quyền.

- Hàng năm nên thuê kiểm toán quốc tế về kiểm toán một số tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước để có thể đánh giá sát thực hoạt động của các tổ chức này.

- + Thực hiện chế độ quản trị các doanh nghiệp nhà nước theo các nguyên tắc quản trị hiện đại, chứ không tùy tiện như hiện nay. Có thể thí điểm thuê các nhân tài nước ngoài làm tổng giám đốc một số công ty quốc doanh.

4. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Trong bối cảnh của thời kỳ 2011 - 2020, việc xác định rõ và chuẩn xác các quan điểm về hội nhập kinh tế quốc tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam.

4.1. Đẩy mạnh hội nhập theo chiều sâu và phát triển lợi thế cạnh tranh

Trong hơn 30 năm vừa qua, kể từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới, Việt Nam đã tiến từ chỗ phá thế bao vây cấm vận, bình thường hóa quan hệ ngoại giao với các nước sang việc đàm phán, ký kết gia nhập các tổ chức khu vực và quốc tế, ký kết các hiệp nghị thương mại tự do thế hệ mới với các nước và khu vực, đặc biệt là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA). Tuy nhiên, trên thực tế, chúng ta mới đang dừng ở cấp độ nông của hội nhập kinh tế quốc tế, nghĩa là mới từng bước dỡ bỏ các rào cản đối với thương mại và đầu tư quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế theo chiều sâu đòi hỏi phải có sự hài hòa chính sách các tiêu chuẩn, phải nâng cấp thể chế hành chính và kinh tế lên tầm hiện đại và quốc tế, gia tăng hiệu quả của quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư.

Điều kiện tiên quyết và bao trùm của hội nhập theo chiều sâu là việc thiết lập các thể chế kinh tế thị trường hiện đại, làm cơ sở cho việc hài hòa hóa thể chế và chính sách hội nhập khu vực và toàn cầu. Theo cam kết gia nhập WTO, chúng ta phải hoàn thành quá trình này vào năm 2018 (Đến nay Việt Nam vẫn chưa được WTO công nhận vị thế kinh tế thị trường, vì Mỹ và EU chưa công nhận), nghĩa là trong thời kỳ 2011 - 2020, chúng ta phải tập trung phấn đấu cho mục tiêu này. Cũng trong thời kỳ này, nền kinh tế nước ta phải tương thích cao về mặt thể chế với các nền kinh tế trong ASEAN để hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN năm 2015.

Hội nhập kinh tế theo chiều sâu cũng có nghĩa là tạo một sự chuyển biến căn bản

trong cơ cấu kinh tế, nói đúng hơn là phải làm cho nền kinh tế Việt Nam trở thành một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế thế giới và khu vực, phát huy mạnh mẽ lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong những ngành, lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế.

4.2. Đẩy mạnh hội nhập đồng thời cả trên 3 cấp độ toàn cầu, khu vực và song phương, xác định đối tác chiến lược là quyết định

Thời kỳ 2011 - 2020 là thời kỳ Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các cam kết với WTO, ASEAN và đây là cơ sở để Việt Nam có thể hội nhập quốc tế sâu hơn.

Trong điều kiện mới hiện nay, tiến trình hội nhập kinh tế Đông Á đang nhận được sự đồng thuận ngày càng tăng của Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và ASEAN đặc biệt là Nhật Bản. Hội nhập Đông Á sẽ tạo ra một khuôn khổ pháp lý chung đảm bảo sự ổn định của khu vực, giải quyết các bất đồng bằng các đối thoại thảo luận trong khối. Do vậy, Việt Nam cần thúc đẩy ASEAN hành động theo hướng này.

Trên bàn cờ kinh tế toàn cầu và khu vực, cần xác định các đối tác chiến lược cụ thể vì quan hệ kinh tế quốc tế trong 10 năm tới vẫn bị chi phối bởi các cường quốc chủ yếu này.

Cần nâng cấp vị thế đối tác của Hoa Kỳ lên tầm tương xứng với vai trò là siêu cường duy nhất hiện nay trên thế giới, dù vai trò này có thể giảm trong những năm tới do suy thoái kinh tế. Giữ vững vị thế đối tác chiến lược của các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, EU và Hàn Quốc. Tiếp tục đàm phán để đi đến ký kết các loại Hiệp nghị thương mại tự do với các đối tác chiến lược trên. Lựa chọn đối tác chiến lược ở các châu lục khác, có thể là: Chile ở Mỹ Latinh, các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất ở Trung Đông, v.v... để xâm nhập vào các

khu vực này, vì Chile và các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất có thể chế kinh tế tự do nhất ở hai khu vực đó.

4.3. Phát huy tổng lực vai trò của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế

Kinh nghiệm thành công của các nền kinh tế Châu Á trong nhiều thập kỷ qua cho thấy rằng, khu vực doanh nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là trong kinh tế đối ngoại. Nhiều chuyên gia quốc tế cũng đã khuyến cáo Việt Nam cần phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt hỗ trợ sự hình thành của các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn có khả năng thực hiện nghiên cứu triển khai áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, có khả năng hoạt động xuyên quốc gia.

Trên thực tế, trong nhiều năm qua, chúng ta đã có nhiều chính sách tạo điều kiện để các doanh nghiệp tích cực tham gia tiến trình hội nhập, song vai trò của các doanh nghiệp tư nhân trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế vẫn còn hạn chế, rất ít các doanh nghiệp tư nhân tạo được chỗ đứng trên thị trường thế giới, khả năng cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa cũng rất hạn chế. Nếu tình trạng này chậm được cải thiện, chắc chắn tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ gặp trở ngại, lợi ích thực sự của hội nhập đối với phát triển kinh tế Việt Nam sẽ suy giảm. Do vậy, cần có chính sách khuyến khích hỗ trợ mạnh mẽ khu vực doanh nghiệp tư nhân vươn ra thị trường quốc tế thông qua các kênh thương mại, đầu tư, dịch vụ... Thu hút các tập đoàn nước ngoài có tầm chiến lược đầu tư vào kinh doanh ở Việt Nam.

5. Ứng phó một cách có hiệu quả với “căn bệnh Hà Lan”

Những nước mở cửa hội nhập quốc tế sâu rộng thường dễ mắc “căn bệnh Hà Lan”, do dòng vốn nước ngoài chảy vào quá mạnh, làm cho đồng tiền trong nước lên giá, dẫn đến tình trạng hàng hóa sản xuất trong nước đắt đỏ hơn so với hàng hóa nước ngoài, làm cho khả năng cạnh tranh của sản xuất trong nước suy giảm, khu vực sản xuất trong nước bị suy giảm và khu vực sản xuất trong nước phục vụ xuất khẩu cũng giảm khả năng cạnh tranh. Có thể nói, từ khi Việt Nam gia nhập WTO đến nay “căn bệnh Hà Lan” đã xuất hiện và ngày càng nghiêm trọng khi tốc độ hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng gia tăng. Theo tính toán của TS. Huỳnh Thế Du trong giai đoạn 2006 - 2012 chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam đã tăng gấp đôi, nhưng tỷ giá Việt Nam đồng so với USD chỉ tăng 30%, điều đó đã làm cho các loại hàng nhập khẩu vào Việt Nam rẻ đi, các sản phẩm do Việt Nam sản xuất ra đắt lên [2]. Tình hình này đã đặt các doanh nghiệp Việt Nam trước tình trạng: sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước không cạnh tranh được với hàng ngoại nhập, sản xuất hàng xuất khẩu cũng đối mặt với khả năng cạnh tranh lớn với các đối thủ. Điều đó giải thích tại sao từ năm 2006 tới nay, đã có hàng trăm nghìn doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, hầu hết khu vực sản xuất trong nước, cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân... đều sa sút, chỉ có khu vực doanh nghiệp FDI không bị tác động bởi “căn bệnh Hà Lan” này và lại có cơ hội tận dụng được các lợi thế của Việt Nam, do vậy họ đã phát triển mạnh mẽ (hiện đã chiếm khoảng 70% xuất khẩu của Việt Nam và 55% giá trị sản xuất công nghiệp).

Giải pháp cho tình trạng này là, Việt Nam phải điều chỉnh tỷ giá không phải theo cung cầu của thị trường ngoại hối, mà phải theo hướng giảm giá của Việt Nam đồng, vì nếu theo cung cầu của thị trường ngoại hối, thì chắc chắn Việt Nam đồng sẽ ngày càng tăng giá, do cung USD ở Việt Nam tăng cao – kiều hối lớn, FDI tăng... Việc điều chỉnh tỷ giá theo hướng giảm giá Việt Nam đồng sẽ có những tác động tiêu cực như: làm cho dịch vụ trả nợ nước ngoài của Việt Nam tăng. Nhưng những thiệt hại do phải tăng dịch vụ trả nợ nước ngoài sẽ là nhỏ so với tác động tiêu cực đối với sản xuất trong nước và xuất khẩu của Việt Nam.

6. Kết luận

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam phải theo hướng hiện đại và quốc tế, làm cho nền kinh tế thị trường Việt Nam có khả năng cạnh tranh toàn cầu, làm cho dân giàu, nước mạnh. Muốn vậy thể chế kinh tế Việt Nam phải được hoàn thiện theo các tiêu chí hiện đại, tiến bộ nhất và đó cũng là điều kiện để Việt Nam có thể hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- [1] Huỳnh Thế Du (2016), “10 năm WTO thua trên sân nhà”, *Diễn đàn kinh tế Việt Nam 2016, thách thức tái cơ cấu và triển vọng*.
- [2] Hội đồng Lý luận Trung ương (2010), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong tình hình hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Võ Đại Lược (2014), *Những vấn đề kinh tế Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

